

**CÔNG TY CỔ PHẦN
MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 66/MTĐT-HĐQT
V/v công bố thông tin
điều chỉnh một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019
trong báo cáo thường niên năm 2018

Lào Cai, ngày 20 tháng 5 năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban chứng khoán nhà nước;
- Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Quý Cổ đông công ty.

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT ngày 20/5/2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai,

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai công bố thông tin điều chỉnh trong báo cáo thường niên năm 2018 như sau:

1. Điều chỉnh phần III, mục 3, khoản a (Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2019).

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018	Kế hoạch năm 2019 tại báo cáo thường niên đã công bố	Kế hoạch điều chỉnh năm 2019
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	107.017	95.000	102.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	5.048	4.650	5.220
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	4.353	4.000	4.500
4	Trích lập các quỹ (30% LNST)	Tr.đồng	1.306	1.200	1.350
-	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	Tr.đồng	326,548	300	270
-	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	Tr.đồng	979,645	900	1.080
5	Nộp ngân sách nhà nước	Tr.đồng	7.854	7.500	7.500
6	Tỷ lệ cổ tức	%	7,31	6,71	7,55

2. Lý do điều chỉnh: Thay đổi cho phù hợp với Kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty.

Công văn này là một phần không tách rời của Báo cáo thường niên năm 2018 và thay thế phần III, mục 3, khoản a (Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2019) tại Báo cáo số 15/BC-MTĐT ngày 08/4/2019 của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai.

Công văn được đăng tải trên trang thông tin điện của Công ty tại địa chỉ Website: moitruongdothilaocai.com.vn vào ngày 20/5/2019./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HĐQT, BGD;
- Ban Kiểm soát;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Văn Tân

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2018
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI
(Từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2018)**

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 462/CP, mã số doanh nghiệp 5300133049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.
- Vốn điều lệ: 41.711.750.000 đồng.
- Vốn đầu tư chủ sở hữu: 41.711.750.000 đồng.
- Địa chỉ: Tổ 30, đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.
- Số điện thoại: 0214.3841.038
- Số Fax: 0214.3841.038
- Website: moitruongdothilaocai.com.vn
- Mã cổ phiếu: MLC
- Ngày giao dịch đầu tiên (trên thị trường Upcom): 23/5/2017.

Quá trình hình thành và phát triển Công ty

Ngày 04/06/1993, Công ty phục vụ công cộng thị xã Lào Cai được thành lập và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/11/1993, nhiệm vụ chủ yếu là công tác vệ sinh môi trường trên phần diện tích quy mô nhỏ tại địa bàn thị xã Lào Cai.

Tháng 9/1998, Công ty chuyển đổi phương thức hoạt động từ đơn vị hành chính sự nghiệp sang doanh nghiệp nhà nước. Tổng số vốn điều lệ là 2.168.244.400 đồng, với ngành nghề kinh doanh chính là thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, thoát nước đô thị, quản lý, duy tu các công trình công cộng và làm các dịch vụ về vệ sinh, môi trường.

Cùng với sự phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh, sự gia tăng về rác thải và nguy cơ ô nhiễm môi trường ở một số huyện thị có khu du lịch lớn, Công ty đã mở rộng thị trường cung ứng dịch vụ tới các khu đô thị trọng yếu của tỉnh: Thị trấn Sa Pa (2001); thị trấn Bát Xát (2003); thị trấn Bắc Hà (2006) và Khối dịch vụ công sở (2009).

Tháng 4/2010 chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai với số vốn điều lệ là 10.673.000.000 đồng; hoạt động chủ yếu là thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải; Phun nước chống bụi đường; Quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng công cộng; Quản lý chăm sóc các vườn hoa, công viên hệ thống cây xanh; Bảo dưỡng giao thông thoát nước nội thị; Quản lý nghĩa trang nhân dân; Các dịch vụ về môi trường.

Ngày 31/12/2015 Công ty tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu tại Công ty CP Chứng khoán Châu Á Thái Bình Dương, giá đấu thành công bình quân là 10.019 đồng/ 1 cổ phiếu.

Ngày 04/4/2016 Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo giấy đăng ký Doanh nghiệp số 462/CP, mã số doanh nghiệp 5300133049 với vốn điều lệ 41.711.750.000 đồng.

Ngày 12/12/2016 Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 189/2016/GCNCP-VSD với số lượng đăng ký là 4.171.175 cổ phiếu.

2. Ngành nghề, địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa, công trình và cảnh quan	8129 (chính)
2	Xây dựng công trình công ích Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước. Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới 35kv; thi công xây lắp hệ thống chiếu sáng, hệ thống tín hiệu giao thông	4220
3	Thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải, nước thải, chế biến chất thải, sản xuất phân bón. Quản lý, duy tu, bảo dưỡng đường giao thông, hệ thống thoát nước đô thị. Quản lý, duy tu, chăm sóc vườn hoa, công viên, cây xanh, rừng. Quản lý, vận hành và sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng công cộng, hệ thống đèn tín hiệu giao thông. Quản lý, duy tu, bảo dưỡng cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật các khu đô thị, các nhà cao tầng. Quản lý nghĩa trang, nhà hỏa tang; dịch vụ tang lễ. Gia công cơ khí sửa chữa phương tiện, thiết bị. Thi công các công trình cây xanh, công viên, trồng rừng. Sản xuất, kinh doanh lâm, nông nghiệp: Sản xuất, kinh doanh giống	

cây trồng; khai thác, chế biến lâm sản, nuôi trồng thủy sản. Kinh doanh khách sạn, nhà hàng. Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, phương tiện, thiết bị, vật tư, phân bón. Tư vấn thiết kế các công trình cây xanh đô thị, rừng, điện chiếu sáng. Đầu tư kinh doanh các loại hình vui chơi giải trí.	
Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh ngành nghề khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật	

- Địa bàn hoạt động: Tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

3.1. Mô hình quản trị

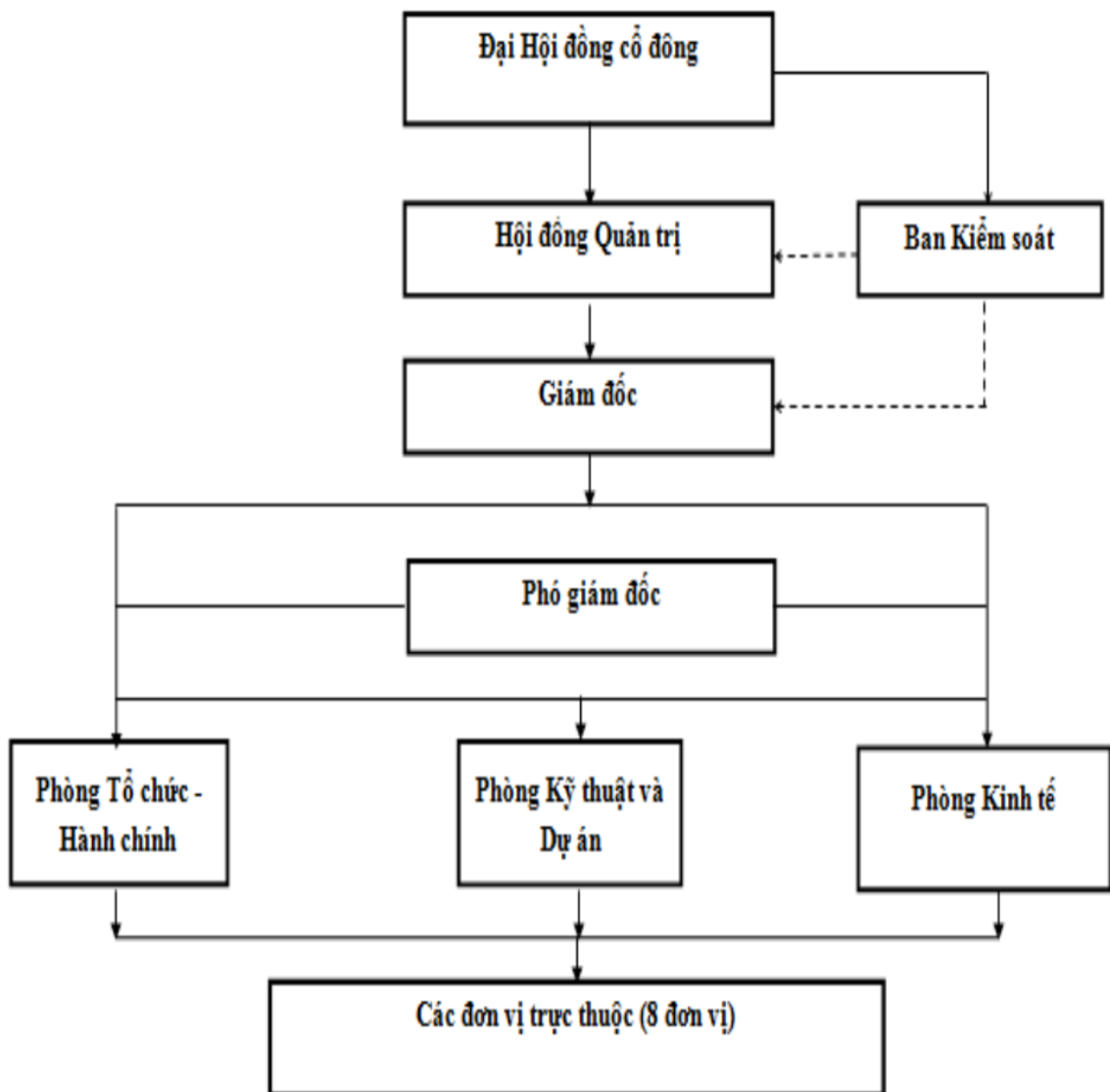
- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội đồng quản trị.
- Ban Kiểm soát.
- Ban Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty có 03 phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc khối văn phòng và 08 đơn vị trực thuộc hoạt động trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát.

- Danh sách các phòng chuyên môn nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc, gồm:

TT	Tên phòng, đơn vị trực thuộc	Địa chỉ trụ sở làm việc
1	Phòng Tổ chức Hành chính	Tổ 30, đường Nhạc Sơn, P. Kim Tân, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
2	Phòng Kế hoạch và Dự án	
3	Phòng Kinh tế	
4	Xí nghiệp Môi trường thành phố Lào Cai	Đường Lê Văn Thiêm, tổ 2, phường Bắc Cường, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
5	Xí nghiệp Công viên - Cây xanh	
6	Xí nghiệp Dịch vụ - Công trình	
7	Xí nghiệp Cơ - Điện	Số 055 đường Điện Biên, tổ 26B P. Duyên Hải, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai
8	Xí nghiệp Xử lý rác thải thành phố Lào Cai	Thôn Toòng Mòn 1, xã Đông Tuyển, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai
9	Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	Số 065, đường Thạch Sơn, tổ 5a, thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa, tỉnh Lào Cai
10	Xí nghiệp Môi trường Bắc Hà	Thôn Nậm Sắt 4, thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai
11	Xí nghiệp Môi trường Bát Xát	Tổ 7, đường Hùng Vương, thị trấn Bát Xát, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai

Sơ đồ bộ máy



Nhiệm vụ, chức năng của từng bộ phận

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ công ty quy định.

- Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát hoạt động sản xuất, kinh doanh; hoạt động kiểm soát nội bộ và hoạt động quản lý rủi ro của Công ty. Hội đồng quản trị của Công ty do Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

- Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn.

Báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Giám đốc

Giám đốc là người điều hành công việc sản xuất, kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo về thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm đã đề ra trong cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ SXKD theo từng giai đoạn.

- Các Phó Giám đốc

Tham mưu cho Giám đốc Công ty về phương án tổ chức bộ máy, công tác cán bộ; phương án SXKD, lao động, tiền lương, các chế độ chính sách theo đúng điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật. Điều hành mảng công việc của Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc Công ty. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc, Hội đồng quản trị và trước pháp luật về những nhiệm vụ được phân công.

- Phòng Tổ chức Hành chính

Tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty trong việc chuẩn bị các phương án về tổ chức bộ máy, công tác cán bộ, xây dựng định mức lao động, tiền lương, bảo hiểm, bảo hộ và công tác an toàn, vệ sinh lao động. Thực hiện chức năng quản trị hành chính văn phòng, phục vụ lễ tân, công tác thi đua khen thưởng, tuyên truyền cổ động và một số công tác khác do Ban Giám đốc giao. Thường trực công tác thi đua, quân sự quốc phòng, tự vệ an ninh, phòng chống cháy nổ, thanh tra, tiếp dân,...

- Phòng Kỹ thuật và Dự án

Có chức năng, nhiệm vụ quản lý về kỹ thuật các chuyên ngành và dự án đầu tư của Công ty. Thực hiện đúng chức năng hoạt động, kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công.

- Phòng Kinh tế

Có chức năng, nhiệm vụ lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính của Công ty và tổ chức quản lý tài chính kinh tế của Công ty theo quy định. Thực hiện đúng chức năng hoạt động, kinh doanh theo nhiệm vụ được phân công.

- Các đơn vị trực thuộc

Có chức năng, nhiệm vụ: Sản xuất, kinh doanh theo nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị; Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Công ty giao hàng năm; thực hiện nghiêm chỉnh các chế độ chính sách nhà nước ban hành, các nội quy, quy chế của Công ty; có trách nhiệm đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách của nhà nước đối với người lao động, ổn định đời sống về vật chất, tinh thần và việc làm cho công nhân viên chức thuộc đơn vị mình quản.

- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Công ty luôn phấn đấu và tiếp tục duy trì là doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Chất lượng dịch vụ và thái độ phục vụ luôn được trú trọng hàng đầu;

- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đóng góp của các cổ đông;

- Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động trong doanh nghiệp, gắn mục tiêu phát triển Công ty với lợi ích nhà nước và lợi ích cổ đông;

- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý và điều hành doanh nghiệp;

- Xây dựng đội ngũ lao động chuyên nghiệp, tay nghề cao, nội bộ đoàn kết nhằm hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra;

- Mở rộng địa bàn, ngành nghề kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng năng suất và kinh doanh có hiệu quả;

- Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực cung cấp các dịch vụ công ích đô thị tại thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty.

- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ công ích đô thị có nguồn thu không từ ngân sách Nhà nước; tiến đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào bảo toàn nguồn vốn, nâng cao lợi nhuận, nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động trong Công ty.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của tỉnh Lào Cai, Công ty sẽ xem xét đầu tư xây dựng các dự án để phục vụ cho việc thu gom và xử lý rác thải phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong các năm tiếp theo.

- Tập trung đổi mới công nghệ, áp dụng tiến khoa học kỹ thuật vào sản xuất để từng bước cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc.

- Đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác quản lý và điều hành doanh nghiệp. Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến năm 2025. Đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ cho người lao động để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ tiếp theo.

- Thực hiện lộ trình thoái vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo chỉ đạo của Chính phủ và của Tỉnh, phấn đấu đến năm 2020 tỷ lệ nhà nước nắm giữ $\leq 41\%$ vốn điều lệ và tiến tới sẽ thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp,...

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững:

- Hoạt động kinh doanh bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu của các cổ đông; đầu tư hiệu quả các dự án.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả và tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật,...

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro kinh tế: Nền kinh tế phát triển nóng, tính cạnh tranh ngày càng cao, hiện tượng biến đổi khí hậu... đã tác động đến nền kinh tế nước ta nói chung, trong đó có tỉnh Lào Cai; việc hạn chế đầu tư công, thắt chặt trong chi tiêu đã ảnh hưởng đến quá trình đầu tư xây dựng, cắt giảm chi phí trong việc duy trì dịch vụ công ích đô thị đã ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

5.2. Rủi ro về pháp luật: Việc áp dụng pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập, tính thực thi chưa cao và chưa được áp dụng triển khai kịp thời. Do vậy, đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

5.3. Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào: Giá nguyên vật liệu, nhiên liệu không ổn định, thường xuyên có biến động tăng, hệ thống định mức, đơn giá không điều chỉnh kịp thời đã ảnh hưởng không nhỏ đến chí phí đầu vào của Công ty gây ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường: Tình trạng ô nhiễm môi trường trong việc xả thải rác thải sinh hoạt, rác thải của hoạt động công nghiệp chưa được thu gom xử lý đúng quy định; tình trạng thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải từ các hoạt động sản xuất công nghiệp chưa được đầu tư xử lý triệt để...gây ra tình trạng ô nhiễm môi trường. Mặc dù, trong thời gian qua việc xả thải của các khu công nghiệp đã được Chính phủ và các địa phương tăng cường triển khai kiểm tra phát hiện và xử lý. Song, vẫn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, thiếu sự phối hợp của các ban ngành liên quan.

5.5. Rủi ro khác: Các rủi ro nằm ngoài dự đoán và quá khả năng phòng chống của con người như chiến tranh, thiên tai, thời tiết, hoả hoạn, dịch bệnh... là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù rất hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả hoạt động SXKD

Biểu 1

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2018 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2018 (triệu đồng)	Tỷ lệ thực hiện so với kế hoạch (%)
1	Tổng doanh thu	90.000	107.017,85	118,91
2	Lợi nhuận trước thuế	4.000	5.048,39	126,21
3	Lợi nhuận sau thuế	3.200	4.353,98	136,06
4	Trích lập các quỹ (30% LNST)	960	1.306,19	
	<i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	<i>240</i>	<i>326,55</i>	<i>136,06</i>
	<i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	<i>720</i>	<i>979,64</i>	<i>136,06</i>
5	Chia cổ tức dự kiến	5,37%	7,31%	136,13
6	Nộp ngân sách nhà nước	6.500	7.854,44	120,84

Ngay sau kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội bằng việc chỉ đạo rà soát sắp xếp lại lao động, rà soát để hoàn chỉnh các quy định nội bộ cho phù hợp để tăng cường quản trị doanh nghiệp, tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD,... Quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Công ty gặp không ít khó khăn do chi phí sản xuất tăng; lực lượng lao động tại Công ty đa số là lao động phổ thông có trình độ chuyên môn và tay nghề không đồng đều và hạn chế; có sự cạnh tranh thị phần giữa các tổ chức, cá nhân trong cung cấp dịch vụ. Trước tình hình đó, HĐQT và Ban Giám đốc Công ty đã tập trung bàn bạc tiết kiệm tối đa mọi chi phí, tăng cường công tác quản lý và chỉ đạo, điều hành để tăng hiệu quả hoạt động SXKD, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Kết quả SXKD năm 2018 đều đạt và vượt so với kế hoạch đã đề ra, cụ thể: Doanh thu đạt 118,91% so với kế hoạch; Lợi nhuận trước thuế đạt 126,21% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt 136,06% so với kế hoạch; Nộp ngân sách đạt 120,84% so với kế hoạch.

Tình hình tài chính: Công ty quản lý tài sản hiệu quả, bảo toàn và phát triển được vốn, có khả năng thanh toán các khoản công nợ. Công tác tài chính kế toán được lãnh đạo Công ty quan tâm chỉ đạo thực hiện theo đúng quy định của Luật kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban lãnh đạo Công ty

Biểu 2

T T	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
					Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
						Cổ phần cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Phạm Văn Tân	24/7/1961	Chủ tịch HĐQT	KS Mỏ địa chất	2.163.299	36.000	2.127.299	51,86
2	Ngô Văn Trường	21/10/1971	Thành viên HĐQT, Giám đốc	KS Trồng trọt	16.900	16.900		0,41
3	Bùi Văn Tốt	10/10/1960	Thành viên HĐQT, PGĐ	Cử nhân Kinh tế	16.200	16.200		0,39
4	Hoàng Văn Phượng	05/11/1964	Thành viên HĐQT, PGĐ	Cử nhân Kinh tế	15.744	15.744		0,38
5	Trần Quang Toàn	25/3/1979	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng KH-KT	KS: Lâm học; ks Xây dựng	11.400	11.400		0,27
6	Đặng Văn Giáp	29/01/1973	Kế toán trưởng	Cử nhân Kinh tế	16.544	16.544		0,40

2.2. Danh sách Ban Kiểm soát Công ty: 03 người.

Biểu 3

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ hiện nay	Trình độ chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết			Tỷ lệ %
					Tổng số	Trong đó		
						CP cá nhân	Cổ phần Nhà nước	
1	Đào Thị Minh Thủy	05/7/1978	Trưởng ban	Cử nhân Kinh tế	6.400	6.400		0,15
2	Phạm Văn Tiên	24/8/1967	Thành viên	Cử nhân Kinh tế	8.844	8.844		0,21
3	Lê Thị Thuận	19/5/1978	Thành viên	Cử nhân Kinh tế	5.400	5.400		0,12

2.3. Những thay đổi nhân sự trong Ban điều hành: Thông qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 tổ chức ngày 23/5/2018, tại Đại hội đã bầu bổ sung bà Lê Thị Thuận - Sinh năm 1978 làm thành viên Ban kiểm soát thay bà Lê Thị Kim Oanh - Sinh năm 1963 nguyên thành viên Ban kiểm soát đã nghỉ hưu. Ban Kiểm soát đã họp bầu bà Đào Thị Minh Thủy làm Trưởng ban Kiểm soát của Công ty.

2.4. Số lượng cán bộ, công nhân viên

a) Số lượng lao động tại thời điểm 31/12/2018

Biểu 4

TT	Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ lao động:	555	
1	Đại học, trên đại học	57	10,27
2	Cao đẳng, trung cấp	67	12,07
3	Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	54	9,73
4	Lao động phổ thông	377	67,93
II	Giới tính	555	
1	Nam	200	36,04
2	Nữ	355	63,96

b) Chính sách đối với người lao động

- Về tiền lương, tiền thưởng

Thực hiện trả lương, trả thưởng theo mức độ hoàn thành, mức độ phức tạp của công việc và theo khoán sản phẩm. Việc trả lương, trả thưởng được quy định trong quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty. Tiền lương bình quân của người lao động năm 2018 là 8,075 triệu đồng/người/tháng và năm 2017 là 7,28 triệu đồng/người/tháng.

- Về công tác đào tạo

Chú trọng đào tạo, đào tạo lại cán bộ quản lý, nghiệp vụ, công nhân kỹ thuật với phương châm đào tạo tại chỗ, khuyến khích người lao động tự nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ để phù hợp với nhu cầu phát triển của Công ty nhằm sử dụng hợp lý.

- Công tác đời sống đối với CBCNV

Thực hiện đóng BHXH, BHTN, mua BHYT, BH thân thể cho người lao động theo đúng chế độ, chính sách của Nhà nước;

Thực hiện vệ sinh, an toàn lao động, trang bị BHLĐ cho người lao động đầy đủ, đúng quy định; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động theo đúng quy định;

Thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách khác đối với người lao động theo quy định của Nhà nước.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

* Đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước và nguồn vốn sự nghiệp bảo vệ môi trường cho đầu tư mua sắm thiết bị với số tiền 684,25 triệu đồng, trong đó:

- Mua 50 xe gom đẩy tay 400L;

- Mua 328 thùng rác nhựa đựng rác công cộng HDPE-UV 240L và mua 15 thùng rác Composite 60L treo đôi.

* Đầu tư bằng nguồn vốn của Doanh nghiệp (nguồn khấu hao tài sản cố định, đầu tư phát triển và vốn huy động) với số tiền 3.669,07 triệu đồng, trong đó:

- Đầu tư bằng tải vận chuyển mùn cho nhà máy rác: 29,267 triệu đồng;

- Xây bể xử lý phân phốt: 53,925 triệu đồng;

- Xây công, sửa đường, nhà quản trang nghĩa trang Thống Nhất và nghĩa trang Vạn Hòa: 201,671 triệu đồng;

- Nâng cấp, cải tạo trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa: 260,241 triệu đồng;

- Mua 19 xe điện 3 bánh: 576,55 triệu đồng.

- Mua 02 xe tải chở rác $\leq 1,5$ tấn: 750 triệu đồng;

- Mua xe cuốn ép rác chuyên dùng 15 m³: 1.760 triệu đồng;

- Đầu tư máy nghiền rác: 37,416 triệu đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình Tài chính

a) Tình hình tài chính

Biểu 5

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/12/2017	Giai đoạn từ 01/01/2018 đến 31/12/2018	So sánh chỉ tiêu tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	Đồng	170.686.423.246	169.843.540.928	-842.882.318
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Đồng	102.285.853.285	107.071.846.022	4.731.992.737
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Đồng	5.006.170.490	5.021.628.550	15.458.060
4	Lợi nhuận khác	Đồng	29.459.083	26.763.133	-2.695.950
5	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	5.035.629.573	5.048.391.683	12.762.110
6	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	4.400.609.144	4.353.979.951	- 46.629.193

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Biểu 6

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2017	31/12/2018
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,158	2,503
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,976	2,365
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	21,257	20,700
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	26,996	26,103
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân	vòng	18,700	25,983
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,599	0,626
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	4,305	4,095
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	3,274	3,233
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	2,578	2,564
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	4,897	4,723

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần: Tính đến hết ngày 31/12/2018 Công ty đã phát hành 4.171.175 cổ phiếu. Trong đó:

- Số cổ phần phổ thông: 4.171.175 cổ phiếu.
- Số cổ phần đang lưu hành: 4.171.175 cổ phiếu.
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

b) Cơ cấu cổ đông của Công ty

Biểu 7

TT	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn	2.419.281	58
2	Cổ đông nhỏ	1.751.894	42
3	Cổ đông Nhà nước	2.127.299	51
4	Cổ đông trong nước	4.171.175	100
5	Cổ đông tổ chức	2.419.281	58
6	Cổ đông cá nhân	1.751894	42

Danh sách cổ đông lớn

Biểu 8

TT	Tên cổ đông	Số CMND/ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ/VNĐ
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai		Trụ sở khối 2, đường Trần Hưng Đạo, P. Nam Cường - TP. Lào Cai - T. Lào Cai	2.127.299	51 %
2	Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	Số 0101033072 đăng ký lần đầu ngày 20/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 30/9/2014 do sở KH&ĐT thành phố Hà Nội cấp	Số 11, tổ 01, Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội	291.982	7 %

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu: Không.
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.
- e) Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: Công ty luôn sử dụng nguồn vật liệu theo đúng quy định, đúng chỉ tiêu từng hạng mục công trình, đảm bảo về số lượng và chất lượng.

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Công ty làm tốt công tác quản lý, vận hành hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa, thị trấn Bắc Hà, thị trấn Bát Xát theo đúng phương án được Tỉnh phê duyệt; luôn có kế hoạch tiết giảm hợp lý theo từng khu vực và thời gian, đảm bảo an toàn cho hoạt động của người dân, đảm bảo ANTT, TTATXH và đảm bảo mỹ quan đô thị, đồng thời tiết kiệm chi phí từ ngân sách cho địa phương. Việc quản lý và sử dụng năng lượng tại Công được kiểm soát chặt chẽ theo quy định, đảm bảo tiết kiệm và hiệu quả.

6.3. Tiêu thụ nước: Nguồn nước phục vụ cho hoạt động tại các địa điểm văn phòng làm việc sử dụng nước máy của Công ty Cổ phần Cấp nước tỉnh Lào Cai cung cấp; nguồn nước phục vụ rửa đường, tưới cây xanh đô thị Công ty sử dụng nguồn nước giếng, được quản lý chặt chẽ, đảm bảo tiết kiệm hiệu quả.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường: Công ty đặt mục tiêu bảo vệ môi trường lên hàng đầu, luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định giữ gìn và bảo vệ môi trường theo quy định.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không).

b) Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 (không).

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động

- Tổng số lao động 555 người. Trong đó, nữ 355 người, nam 200 người.
- Mức lương bình quân năm 2018 đạt 8,075 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động liên quan đến người lao động

Được quy định cụ thể trong nội quy, quy chế, thảo ước lao động tập thể của Công ty. Trong năm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo quy định; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, trang cấp đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân; tổ chức huấn luyện ATVSLĐ; giải quyết, chi trả kịp thời các chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ Lễ, tết, phép và trợ cấp khó khăn cho người lao động; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho gia đình khó khăn, gia đình

chính sách, các cháu tật nguyền và thăm hỏi hiếu, hi, ốm đau kịp thời đến người lao động; trong năm tổ chức các hoạt động phong trào VHVN - TDTT, tổ chức gặp mặt giao lưu cho nữ CBCNV nhân ngày 8/3, ngày 20/10 và tổ chức cho con CB CNVLD vui tết Trung thu và ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6. Qua các đợt tổ chức đã tạo không khí vui tươi, phấn khởi, xây dựng tinh thần đoàn kết nội bộ và tạo khí thế trong lao động sản xuất.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Trong năm 2018, Công ty đã tổ chức tập huấn công tác thu tiền, xuất hóa đơn tài chính cho nhân viên đi thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt; tập huấn kỹ năng điều khiển và gửi đi học, thi lấy giấy phép lái xe mô tô hạng A3 cho 28 người lao động để vận hành xe điện 3 bánh thu gom rác đường phố trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa nhằm triển khai phương án cơ giới hóa trong công tác thu gom, vận chuyển rác thải; tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho 105 người. Ngoài ra, cán bộ, nhân viên của các phòng, ban cũng thường xuyên được cử đi học các khóa nghiệp vụ, tham dự các buổi hội thảo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Trong năm, Công ty đã tích cực tham gia công tác chính sách – xã hội và đền ơn đáp nghĩa như: Tổ chức tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán; giúp đỡ xã Xuân Thượng, huyện Bảo Yên xây dựng nông thôn mới 113 triệu đồng; giúp đỡ xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên 15 triệu đồng khắc phục hậu quả thiên tai; quyên góp, ủng hộ quỹ nhân đạo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, ngày vì người nghèo, quỹ học bổng khôi thi đua, hỗ trợ người lao động trong đơn vị có hoàn cảnh khó khăn... với tổng số tiền trên 200 triệu đồng.

III. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Phân tích tổng quan

Sau 03 năm Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, tổ chức và hoạt động của Công ty ngày càng đi vào ổn định và từng bước có sự phát triển, CBCNV yên tâm công tác yêu ngành, yêu nghề gắn bó xây dựng đơn vị.

Trên cơ sở số liệu báo cáo tài chính và kết quả hoạt động SXKD của Công ty (được tóm tắt tại biểu 1) cùng các chỉ tiêu tài chính đạt được (biểu 4), Công ty đã thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra. Ban Giám đốc Công ty đưa ra một số ý kiến đánh giá như sau:

Chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch

- Doanh thu tăng 18,91% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế tăng 36,06% so với kế hoạch; Nộp ngân sách tăng 20,84% so với kế hoạch.

- Các chỉ tiêu kinh tế đạt được cho thấy tình hình quản trị doanh nghiệp tốt, hoạt động SXKD của Công ty đạt hiệu quả, bảo toàn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

b) Những tiến bộ Công ty đã đạt được

- Lĩnh vực sản xuất: Hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển, từng bước cải tiến điều kiện làm việc cho người lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất đem lại hiệu quả thiết thực.

- Duy trì và phát triển lĩnh vực kinh doanh dịch vụ như: Dịch vụ tang lễ, hút phốt, vệ sinh công sở, sửa chữa cơ khí, ươm trồng cây xanh,... đáp ứng nhu cầu của các cơ quan, đơn vị và người dân trên địa bàn; tăng doanh thu cho doanh nghiệp và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế tại doanh nghiệp nhằm tăng cường công tác quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động theo đúng quy định của pháp luật và đạt hiệu quả.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức cho người lao động về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Biểu 9

Chỉ tiêu	31/12/2017		31/12/2018		% tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Tài sản ngắn hạn	55.159.683.256	32,32	63.722.457.126	37,52	15,52
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.919.131.584	6,98	21.968.786.732	12,93	
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	
Các khoản phải thu ngắn hạn	38.584.344.594	22,61	38.236.400.741	22,51	
Hàng tồn kho	4.656.207.078	2,73	3.517.269.653	2,07	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	0	0	
Tài sản dài hạn	115.526.739.990	67,68	106.121.038.802	62,48	- 8,14
Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0	

Tài sản cố định	111.152.947.661	65,12	104.784.504.233	61,69	
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	
Tài sản dở dang dài hạn	0	0	67.479.000	0,04	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	
Tài sản dài hạn khác	4.373.792.329	2,56	1.269.100.569	0,75	
Tổng tài sản	170.686.423.246	100	169.843.540.928	100	-0,49

b) Tình hình nợ phải trả

Biểu 10

Chỉ tiêu	31/12/2017		31/12/2018		% tăng/giảm
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	
Nợ ngắn hạn	25.564.436.760	70,46	25.459.002.753	72,41	
Nợ dài hạn	10.719.090.936	29,54	9.698.225.132	27,59	
Tổng nợ phải trả	36.283.527.696	100	35.157.227.885	100	-3,10

Cơ cấu nợ ngắn hạn

Biểu 11

Chỉ tiêu	Năm 2017		Năm 2018	
	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (VNĐ)	Tỷ trọng (%)
Phải trả cho người bán ngắn hạn	4.342.409.209	16,99	2.932.100.358	11,52
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.583.281.535	6,19	463.703.630	1,82
Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước	2.983.075.826	11,67	2.233.605.739	8,77
Phải trả người lao động	13.437.917.703	52,56	16.880.022.234	66,30
Phải trả ngắn hạn khác	624.074.246	2,44	518.341.946	2,04
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.020.865.804	3,99	1.020.865.804	4,01
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.572.812.437	6,15	1.410.363.042	5,54
Tổng Nợ ngắn hạn	25.564.436.760	100	25.459.002.753	100

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Để đạt được kết quả như đã trình bày trên, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã có định hướng đúng trong chiến lược SXKD, đồng thời chú trọng việc cải tiến hệ thống quản lý, ổn định tổ chức nhằm phù hợp điều kiện và tình hình thực tế tại Công ty.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng trình độ kỹ thuật, tay nghề chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào SXKD và công tác điều hành, tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Về sản xuất kinh doanh: Tiếp tục duy trì và phát triển các ngành nghề SXKD đã đăng ký và đang thực hiện. Cơ cấu, lựa chọn ngành nghề sản xuất kinh doanh phù hợp, chú trọng những ngành nghề mà Công ty có thế mạnh như vệ sinh môi trường, cây xanh, điện chiếu sáng, thoát nước đô thị, xử lý rác thải và các dịch vụ khác. Nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín và địa bàn đang hoạt động của Công ty, từng bước mở rộng địa bàn hoạt động khi có đủ điều kiện.

- Về quản lý tài chính: Tiếp tục hoàn thiện năng lực tài chính của Công ty, quản lý tốt các nguồn đầu tư, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Về tổ chức bộ máy hoạt động: Duy trì ổn định cơ cấu bộ máy tổ chức hoạt động phù hợp với tình hình hoạt động của đơn vị, tiếp tục củng cố xây dựng đội ngũ CBCNV có đủ trình độ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đoàn kết thống nhất, yêu ngành yêu nghề, tận tâm vì mục tiêu phát triển đơn vị.

5. Giải trình của Ban giám đốc với ý kiến của kiểm toán: Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường là một trong những vấn đề quan trọng và ưu tiên bậc nhất đối với bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường cũng được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm, thể hiện qua những chương trình, chính sách hướng tới phát triển nền kinh tế xanh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Hướng đến mục tiêu phát triển bền vững, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai đang ngày một cải thiện, nâng cao chất lượng dịch vụ công ích đô thị là một trong những nội dung ưu tiên hàng đầu trong sự phát triển lâu dài của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai. Trong quá trình hoạt động, Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty luôn xem công tác bảo vệ môi trường là công việc cấp thiết, cần được ưu tiên hàng đầu bằng việc thực hiện các

công tác như: Trong công tác xây dựng Công ty đã thực hiện các chính sách về sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên vật liệu cho mỗi công trình thông qua việc tăng cường kiểm tra chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, tránh sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào chất lượng thấp, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm; quản lý và xử lý nước thải từ công trình, sử dụng hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên như điện, giấy, nước... Ngoài ra, Công ty còn đặt ra các mục tiêu môi trường cho từng đơn vị bộ phận tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững thân thiện với môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định của Luật lao động. Tổ chức thực hiện đúng các nội quy, quy chế liên quan đến người lao động, đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động theo quy định. Công tác chăm lo cho đời sống người lao động luôn được Công ty tập trung chú trọng. Không chỉ thực hiện đầy đủ các thỏa ước trong hợp đồng lao động, Công ty còn nỗ lực tạo công ăn việc làm cho toàn thể cán bộ công nhân viên, phấn đấu không để người lao động nghỉ vì không có việc làm. Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng đời sống tinh thần cho người lao động như tổ chức các phong trào văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao; tổ chức vui chơi, tặng quà cho con CBCNV LĐ nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi và Tết Trung thu hàng năm; tổ chức giao lưu, gặp mặt nhân ngày 08/3 và ngày 20/10 cho nữ CB CNVLD. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty cũng thường xuyên thăm hỏi tìm hiểu hoàn cảnh khó khăn của từng người lao động trong Công ty để đưa ra các biện pháp giúp đỡ kịp thời để mỗi người lao động có thể an tâm công tác tại Công ty. Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng và tham gia các chế độ bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN...) được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng theo quy định của pháp luật.

Người lao động ốm đau, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn đều được Công ty phối hợp với Công đoàn cơ sở tổ chức thăm hỏi, trợ cấp khó khăn đột xuất hoặc kêu gọi toàn thể CBCNV Công ty đóng góp giúp đỡ những hoàn cảnh quá khó khăn như bệnh tật, neo đơn,... Công ty luôn chú trọng trang bị bảo hộ đầy đủ cho công nhân khi tham gia vào hoạt động sản xuất, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bồi dưỡng sức khỏe cho người lao động bằng hiện vật theo đúng quy định,... nhằm khuyến khích người lao động, nâng cao hiệu quả công việc, tăng năng suất, chất lượng lao động.

c) Đánh giá liên qua đến trách nhiệm cộng đồng và địa phương

Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực để thực hiện các trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng và địa phương như các hoạt động từ thiện xã hội, ủng hộ gia đình gặp khó khăn, tổ chức quyên góp, ủng hộ các gia đình đồng bào bị thiệt hại do thiên tai, bão lũ; ủng hộ và giúp đỡ các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Lào Cai; tuyên truyền vận động nhân dân cùng tham gia bảo vệ môi trường góp phần đảm bảo cảnh quan môi trường đô thị trên địa bàn.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Dưới sự chỉ đạo của HĐQT, sự điều hành của Ban Giám đốc, sự nỗ lực của tập thể người lao động trong Công ty đã phấn đấu và thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông năm 2018 đã đề ra (số liệu được tóm tắt tại Biểu 1), cụ thể:

Doanh thu tăng 18,91% so với kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế tăng 36,06% so với kế hoạch; Nộp ngân sách tăng 20,84% so với kế hoạch.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc

- Về công tác điều hành

Giám đốc điều hành thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị.

Hàng tháng, báo cáo HĐQT tình hình SXKD thông qua cuộc họp giao ban, kịp thời đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty đề ra và phương hướng nhiệm vụ hàng tháng, quý.

Điều hành hoạt động của Công ty đúng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

- Về sản xuất, kinh doanh

Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động SXKD một cách linh hoạt, tích cực kịp thời, đảm bảo đúng quy định.

Chỉ đạo hoàn thành vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 (thể hiện trong báo cáo tình hình hoạt động SXKD năm 2018).

- Về chính sách đối với người lao động

Tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước về chính sách đối với người lao động. Ưu tiên chăm lo đời sống của người lao động, nhất là lực lượng lao động trực tiếp theo hướng gia tăng lợi ích.

Quyền lợi của người lao động trong Công ty đều được đảm bảo theo đúng quy định của Bộ Luật lao động được Công ty ký HĐLĐ, kê khai nộp đầy đủ, kịp thời bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp,... và đề nghị cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả các chế độ cho người lao động kịp thời.

- Về chấp hành pháp luật: Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, thực hiện đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị trong năm 2019

a) Một số chỉ tiêu kế hoạch cho năm 2019

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	Tr. đồng	107.017,85	95.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	5.048,39	4.650
3	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	4.353,98	4.000
4	Trích lập các quỹ (30% LNST)	Tr. đồng	1.306,19	1.280
-	Quỹ đầu tư phát triển	Tr. đồng	326,55	300
-	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Tr. đồng	979,64	900
5	Tỷ lệ cổ tức	%	7,31	6,71
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tr. đồng	7.854,44	7.500

b) Kế hoạch đầu tư, mua sắm năm 2019

Đầu tư bằng nguồn vốn của Doanh nghiệp (nguồn khấu hao tài sản cố định, đầu tư phát triển và vốn huy động).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Đã đầu tư đến 31/12/2018	KH đầu tư năm 2019
I	Đầu tư xây dựng:			9.000
1	Nâng cấp, cải tạo trụ sở Xí nghiệp Môi trường Sa Pa	9.199,436	260,241	4.000
2	Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lào Cai bằng công nghệ đốt	22.000		5.000
II	Mua sắm phương tiện, thiết bị:			5.820
1	Cải tạo xe nâng hạ (xe 24C-077.09) thành xe cầu gấn rỏ nâng người làm việc trên cao			450
2	Đầu tư hệ thống hút bụi cho nhà máy rác			600
3	Mua 35 xe điện 3 bánh			1.120

4	Bổ sung máy xé bao cho dây truyền nhà máy xử lý rác			100
5	Mua 01 xe ô tô tang lễ (xe 29 chỗ)			1.200
6	Mua 01 xe ô tô phun nước chống bụi 8 m ³			900
7	Đầu tư hệ thống vườn ươm cây xanh đô thị tại thành phố Lào Cai và thị trấn Sa Pa			300
8	Mua 01 xe ô tô con 7 chỗ phục vụ công tác			1.150

c) Nhiệm vụ trọng tâm năm 2019

- Thực hiện chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019, theo kế hoạch của Chủ tịch Hội đồng quản trị, sẽ tổ chức họp HĐQT mỗi quý 01 lần và họp bất thường khi cần thiết;

- Thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị mà UBND tỉnh đã giao cho về lĩnh vực dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát;

- Tiếp tục kiện toàn công tác tổ chức bộ máy, cán bộ theo hướng tinh gọn, phù hợp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đã thông qua;

- Chỉ đạo và giám sát Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2019, như sau:

+ Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua và các nhiệm vụ khác liên quan đến hoạt động của Doanh nghiệp;

+ Tiếp tục triển khai tốt Đề án phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa và thị trấn Bát Xát theo Quyết định số 4815/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của UBND tỉnh Lào Cai; triển khai thực hiện các dự án đầu tư, mua sắm phương tiện thiết bị theo kế hoạch của Dự án;

+ Tổ chức triển khai thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn thành phố Lào Cai, thị trấn Sa Pa, thị trấn Bắc Hà và thị trấn Bát Xát đảm bảo theo kế hoạch giao;

+ Chủ động tìm kiếm thêm việc làm nhằm tăng doanh thu, đảm bảo việc làm cho người lao động trên nguyên tắc đúng quy định pháp luật và có hiệu quả;

+ Rà soát, bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ; định mức lại nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển để các quy định, các tập định mức, đơn giá nội bộ này thực sự là các công cụ quản lý hữu hiệu, nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo Tài chính năm 2018 của Công ty (trích trong Báo cáo kiểm toán độc lập ngày 12/3/2019 của Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt): “ Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo Tài chính để cập nhật đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo Tài chính”.

2. Báo cáo Tài chính được kiểm toán

Toàn văn Báo cáo Tài chính năm 2018 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán Nhân Tâm Việt và được đăng tải chi tiết trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ: Website: moitruongdothilaocai.com.vn vào ngày 20/3/2019./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- SGDCK Hà Nội;
- Thành viên HĐQT, BGD;
- Ban Kiểm soát;
- Đăng tải trên Website Công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Văn Tân



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

phạm
văn tân

Digitally signed by phạm văn tân
DN: CN=, OU=, O=, email=, c=VN
Reason: I am the author of this document
Date: 2019.03.18 08:14:15
File Name: reason: SA.0

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ
TỈNH LÀO CẠI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được kiểm toán bởi
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	2-4
Báo cáo kiểm toán	5-6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-32
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018</i>	<i>7-10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018</i>	<i>12-13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2018</i>	<i>14-32</i>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo vốn chủ sở hữu đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai theo Quyết định số 4342/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần thay đổi lần thứ 3 số 5300133049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp ngày 04 tháng 04 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 03: 41.711.750.000 VND.

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2018: 41.711.750.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước do Ông Phạm Văn Tân làm đại diện	21.272.990.000	51,00%
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị môi trường Hiệp Hòa	2.919.820.000	7,00%
Các cổ đông khác	17.518.940.000	42,00%
Cộng	41.711.750.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, phường Kim Tân, thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai, Việt Nam
Điện thoại : 02143841038
Fax : 02143841038
Mã số thuế : 5 3 0 0 1 3 3 4 9

Ngành nghề kinh doanh

- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa, công trình, cảnh quan;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
- Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới 35KV;
- Thi công xây lắp hệ thống chiếu sáng, hệ thống tín hiệu giao thông./.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 32).

Sự kiện quan trọng phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2018 cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2401.02/2019/BCTC-NVT2
Ngày : 12 tháng 3 năm 2019

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **Về Báo cáo tài chính năm 2018**

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Lãnh đạo**
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2019 từ trang 07 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro cơ sở sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

55 B, phố Cát Linh, Phường Cát Linh, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
[T] (84-24) 3761 3399 [F] (84-24) 3761 5599 [W] www.nntv.vn [E] xpa@nntv.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 21 ngõ 80, phố Nhân Hòa, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

104 - 106 Trần Lưu, Phường An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Tái Cầu, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị tỉnh Lào Cai tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNKT số: 1690-2018-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Tuyết

GCNDKHNKT số: 1475-2016-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30 Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		63.722.457.126	55.159.683.256
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	21.968.786.732	11.919.131.584
1. Tiền	111		3.968.786.732	11.919.131.584
2. Các khoản tương đương tiền	112		18.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		38.236.400.741	38.584.344.594
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	37.779.351.888	38.246.718.715
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	123.048.353	71.045.879
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	334.000.500	266.580.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.517.269.653	4.656.207.078
1. Hàng tồn kho	141	V.5	3.517.269.653	4.656.207.078
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30 Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		106.121.083.802	115.526.739.990
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		104.784.504.233	111.152.947.661
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	104.784.504.233	111.152.947.661
<i>Nguyên giá</i>	222		143.901.007.867	140.965.895.418
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.116.503.634)	(29.812.947.757)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	67.479.000	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		67.479.000	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.269.100.569	4.373.792.329
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.269.100.569	4.373.792.329
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		169.843.540.928	170.686.423.246

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30 Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		35.157.227.885	36.283.527.696
I. Nợ ngắn hạn	310		25.459.002.753	25.564.436.760
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	2.932.100.358	4.342.409.209
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	463.703.630	1.583.281.535
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.233.605.739	2.983.075.826
4. Phải trả người lao động	314	V.12	16.880.022.234	13.437.917.703
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	518.341.946	624.074.246
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	1.020.865.804	1.020.865.804
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.15	1.410.363.042	1.572.812.437
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		9.698.225.132	10.719.090.936
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16	9.698.225.132	10.719.090.936
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30 Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		134.686.313.043	134.402.895.550
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	134.686.313.043	134.402.895.550
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		41.711.750.000	41.711.750.000
- Có phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.711.750.000	41.711.750.000
- Có phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		330.046.686	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		88.290.536.406	88.290.536.406
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.353.979.951	4.400.609.144
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	4.400.609.144
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.353.979.951	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		169.843.540.928	170.686.423.246

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 13 tháng 03 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30 Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	106.330.676.622	102.349.826.256
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		4.340.909	125.505.454
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.326.335.713	102.224.320.802
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	91.390.481.462	87.067.608.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.935.854.251	15.156.711.992
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	25.490.025	32.073.400
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	23.383.432	23.503.102
Trong đó: chi phí lãi vay	23		23.383.432	23.503.102
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	9.916.332.294	10.159.111.800
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.021.628.550	5.006.170.490
11. Thu nhập khác	31	VI.6	666.020.284	29.459.083
12. Chi phí khác	32	VI.7	639.257.151	-
13. Lợi nhuận khác	40		26.763.133	29.459.083
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.048.391.683	5.035.629.573
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		694.411.732	635.020.429
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		4.353.979.951	4.400.609.144
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	808,96	817,63

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hoàng Thị Lan Hương

Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30 Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>1. Lợi nhuận trước thuế</i>	<i>01</i>	<i>5.048.391.683</i>	<i>5.035.629.573</i>
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	9.285.974.425	8.854.767.752
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.490.025)	(32.073.400)
- Chi phí lãi vay	06	23.383.432	23.503.102
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.332.259.515	13.881.827.027
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	577.944.399	(6.311.869.418)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.138.937.425	96.089.318
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.159.535)	2.795.728.203
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.104.691.760	3.095.833.196
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(23.383.432)	(23.503.102)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(635.236.809)	(239.405.534)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.950.000	4.160.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.136.955.000)	(849.015.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.358.048.323	12.449.843.890
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(3.232.591.995)	(2.393.483.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	25.490.025	32.073.400
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.207.101.970)	(2.361.410.033)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tô 30 Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	3.460.952.945	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.481.818.749)	(3.371.175.954)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.080.425.401)	(1.157.007.558)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(4.101.291.205)	(4.528.183.512)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	10.049.655.148	5.560.250.345
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1 11.919.131.584	6.358.881.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1 21.968.786.732	11.919.131.584

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Lập, ngày 12 tháng 03 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Tân

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Vệ sinh môi trường, xây dựng lắp đặt, thu gom vận chuyển
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:
 - Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác. Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa, công trình, cảnh quan;
 - Xây dựng công trình công ích;
 - Xây dựng các công trình dân dụng, giao thông, công nghiệp, thủy lợi, cấp thoát nước;
 - Thi công các công trình điện trung, hạ thế dưới 35KV;
 - Thi công xây lắp hệ thống chiếu sáng, hệ thống tín hiệu giao thông/.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**: Trong vòng 12 tháng
5. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC**:

Số liệu BCTC năm 2018 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC năm 2017

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**
Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo thực tế phát sinh có đầy đủ chứng từ hợp lý hợp lệ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại vật tư, hàng hóa, sản phẩm tồn kho theo qui định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu...

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc và thiết bị	05 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 08
Thiết bị dụng cụ quản lý	03

6. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí XD CBDD phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả lãi vay vốn hóa nếu có) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa TSCD đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Giá trị Lợi thế kinh doanh

Là giá trị lợi thế kinh doanh khi Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước. Giá trị ban đầu là 9.782.223.425 được phân bổ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại cuối kỳ khi lập Báo cáo tài chính.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí thực tế phát sinh phải được quyết toán với chi phí phải trả đã trích trước, chênh lệch sẽ được hoàn nhập hoặc hạch toán tiếp vào chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hóa, dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Khoản dự phòng phải trả được lập tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số dự phòng phải trả cần lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó. Trường hợp số dự phòng phải trả lập ở kỳ kế toán này nhỏ hơn số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch phải được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ kế toán đó.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận chưa phân phối

Ghi nhận kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHCD ngày 23 tháng 5 năm 2018. Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Lào Cai thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền cho Cổ đông với số tiền 3.080.425.401 VND

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó./.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn./.

14. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phân ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh, như sau:

	Thuế suất
Vệ sinh môi trường, xử lý rác	10%
Các loại hình khác	20%

19. Công cụ tài chính

i. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) đo giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trừ về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.358.397.300	1.139.498.800
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.610.389.432	10.779.632.784
Các khoản tương đương tiền	18.000.000.000	-
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	18.000.000.000	-
Cộng	<u>21.968.786.732</u>	<u>11.919.131.584</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trung tâm tư vấn và dịch vụ Tài chính tỉnh Lào Cai	629.517.205	24.192.703.689
Phòng Quản lý đô thị thành phố Lào Cai	21.437.054.186	823.012.200
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Bắc Hà	2.221.823.447	2.950.552.047
Văn phòng UBND tỉnh Lào Cai	2.486.180.308	1.836.706.608
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện SaPa	2.334.594.355	722.191.558
Các khách hàng khác	8.670.182.387	7.721.552.613
Cộng	<u>37.779.351.888</u>	<u>38.246.718.715</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty xăng dầu Lào Cai	59.948.353	23.975.337
Công ty TNHH Thương mại và Giồng cây trồng Lâm nghiệp Ba Vì	40.000.000	-
Trường Trung cấp nghề Á Châu	23.100.000	-
Các nhà cung cấp khác	-	47.070.542
Cộng	<u>123.048.353</u>	<u>71.045.879</u>

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Tạm ứng	323.155.500	-	231.800.000	-
Ký cược, ký quỹ	-	-	28.500.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.845.000	-	6.280.000	-
Cộng	<u>334.000.500</u>	<u>-</u>	<u>266.580.000</u>	<u>-</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	2.245.326.400	2.120.359.321
Công cụ, dụng cụ	131.096.313	121.163.614
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.140.846.940	2.414.684.143
Cộng	<u>3.517.269.653</u>	<u>4.656.207.078</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhục Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	61.936.063.614	50.891.127.612	28.085.104.192	53.600.000	140.965.895.418
Mua trong năm	-	-	2.848.105.455	-	2.848.105.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	49.585.994	37.421.000	-	-	87.006.994
Số cuối năm	61.985.649.608	50.928.548.612	30.933.209.647	53.600.000	143.901.007.867
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	<i>427.962.044</i>	<i>399.413.636</i>	<i>2.173.564.000</i>	<i>53.600.000</i>	<i>3.056.539.680</i>
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.222.839.396	7.763.598.502	13.772.909.859	53.600.000	29.812.947.757
Khấu hao trong năm	3.010.172.997	3.706.215.430	2.587.169.450	-	9.303.555.877
Số cuối năm	11.233.012.393	11.469.813.932	16.360.079.309	53.600.000	39.116.503.634
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	53.713.224.218	43.127.529.110	14.312.194.333	-	111.152.947.661
Số cuối năm	50.752.637.215	39.458.736.680	14.573.130.338	-	104.784.504.233

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trả trước trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	2.300.005.455	(2.300.005.455)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	-	402.698.649	(87.006.994)	(248.212.655)	67.479.000
Cộng	-	2.702.704.104	(2.387.012.449)	(248.212.655)	67.479.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	815.185.286	4.075.926.428
Công cụ dụng cụ	453.915.283	297.865.901
Cộng	1.269.100.569	4.373.792.329

(*) Là giá trị lợi thế kinh doanh khi Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước. Giá trị ban đầu là 9.782.223.425 được phân bổ trong thời gian 36 tháng kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2016.

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TM & DV Hoa cây cảnh Vỹ Khê	420.000.000	572.945.100
Công ty Cổ phần Đầu tư L.A.N.D.M.A.R.K	-	1.282.940.000
Đỗ Thị Bích Ngọc	354.552.500	515.003.200
Các nhà cung cấp khác	2.157.547.858	1.971.520.909
Cộng	2.932.100.358	4.342.409.209

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây dựng và kiến trúc công trình 666	60.000.000	60.000.000
Tổng công ty Đầu tư nước và môi trường Việt Nam - CTCP	-	441.174.000
Phòng quản lý đô thị thành phố Lào Cai	297.326.535	297.326.535
Sở Xây dựng Lào Cai (TT tư vấn giám sát)	-	700.000.000
Công ty TNHH MTV Môi trường Sơn La	41.000.000	41.000.000
Các khách hàng khác	65.377.095	43.781.000
Cộng	463.703.630	1.583.281.535

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.291.693.429	7.008.346.545	(7.770.423.735)	1.529.616.239
Thuế thu nhập doanh nghiệp	635.020.429	694.628.112	(635.236.809)	694.411.732
Thuế thu nhập cá nhân	56.361.968	148.425.911	(195.210.111)	9.577.768
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	2.983.075.826	7.854.400.568	(8.603.870.655)	2.233.605.739

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất theo từng loại hình dịch vụ như sau:

Duy trì công viên, cây xanh đường phố, dịch vụ tang lễ	Không chịu thuế
Các hoạt động khác	10%

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất theo từng loại hình sản xuất kinh doanh như sau:

Vệ sinh môi trường, xử lý rác	10%
Các loại hình khác	20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

12. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	164.301.984	291.439.284
Đoàn phí công đoàn	106.528.131	106.528.131
Phòng QLDT & Phòng TCKH TP Lào Cai	162.220.128	162.220.128
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	85.291.703	63.886.703
Cộng	518.341.946	624.074.246

13. Vay ngân hàng ngắn và dài hạn**a) Vay ngân hàng ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam				
- CN Lào Cai	1.020.865.804	1.020.865.804	1.020.865.804	1.020.865.804
Cộng	1.020.865.804	1.020.865.804	1.020.865.804	1.020.865.804

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	3.460.952.945	-	(3.460.952.945)	-
Vay dài hạn đến hạn trả	1.020.865.804	-	1.020.865.804	(1.020.865.804)	1.020.865.804
Cộng	1.020.865.804	3.460.952.945	1.020.865.804	(4.481.818.749)	1.020.865.804

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Là khoản vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Lào Cai

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	10.719.090.936	12.760.822.544
Số tiền vay đã trả	-	(1.020.865.804)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(1.020.865.804)	(1.020.865.804)
Số cuối năm	9.698.225.132	10.719.090.936

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Lào Cai theo Hợp đồng vay vốn ODA số 02/2010/HDODA-NHDTPT ngày 27/10/2010, Giấy báo thu chi số 104/ 2014 và Công văn số 344/BTC-QLN ngày 08 tháng 01 năm 2016 thuộc Dự án cơ sở hạ tầng nông thôn tỉnh Lào Cai số tiền 13.271.285.441 VND (Hợp phần xử lý rác thải) với lãi suất 3%/năm tính trên dư nợ, thời hạn vay 180 tháng (15 năm) kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 24 tháng (2 năm). Số tiền vay được hoàn trả 6 tháng một lần vào ngày 30/04 và 31/10 hàng năm, thanh toán lần đầu kể từ ngày hết thời gian ân hạn. Khoản vay này được sử dụng bảo lãnh của UBND tỉnh Lào Cai.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích			Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
	Số đầu năm	lập từ lợi nhuận	Tăng khác			
Quỹ khen thưởng	1.100.643.089	394.568.529	1.950.000	(294.350.000)	-	1.200.861.618
Quỹ phúc lợi	454.587.896	394.568.528	-	(639.655.000)	-	209.501.424
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	17.581.452	-	-	-	(17.581.452)	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	201.000.000	-	(201.000.000)	-	-
Tổng	1.572.812.437	990.137.057	1.950.000	(1.136.955.000)	(17.581.452)	1.410.363.042

Năm 2018, Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHCD ngày 23 tháng 5 năm 2018. Tổng số tiền là 990.137.057 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	41.711.750.000	72.964.537.594	-	1.652.867.940	116.329.155.534
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.400.609.144	4.400.609.144
Trích lập các quỹ	-	-	-	(495.860.382)	(495.860.382)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(1.157.007.558)	(1.157.007.558)
Tăng do nhận điều chuyển TSCĐ	-	15.325.998.812	-	-	15.325.998.812
Số dư cuối năm trước	41.711.750.000	88.290.536.406	-	4.400.609.144	134.402.895.550
Số dư đầu năm nay	41.711.750.000	88.290.536.406	-	4.400.609.144	134.402.895.550
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	4.353.979.951	4.353.979.951
Trích lập các quỹ	-	-	330.046.686	(1.320.183.743)	(990.137.057)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(3.080.425.401)	(3.080.425.401)
Số dư cuối năm nay	41.711.750.000	88.290.536.406	330.046.686	4.353.979.951	134.686.313.043

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-ĐHCD ngày 23 tháng 5 năm 2018, Công ty Cổ phần Môi Trường Đô thị Lào Cai thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 bằng tiền với tỷ lệ 70% cho Cổ đông với số tiền 3.080.425.401 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phạm Văn Tân	21.272.990.000	21.272.990.000
Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	2.919.820.000	2.919.820.000
Cá nhân khác	17.518.940.000	17.518.940.000
Cộng	<u>41.711.750.000</u>	<u>41.711.750.000</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.171.175	4.171.175
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.171.175	4.171.175
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.171.175	4.171.175
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.171.175	4.171.175
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.171.175	4.171.175
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	106.330.676.622	102.349.826.256
+ <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	106.330.676.622	102.349.826.256
Các khoản giảm trừ doanh thu	4.340.909	125.505.454
+ <i>Giảm giá dịch vụ cung cấp</i>	4.340.909	125.505.454
Cộng	<u>106.326.335.713</u>	<u>102.224.320.802</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	91.390.481.462	87.067.608.810
Cộng	<u>91.390.481.462</u>	<u>87.067.608.810</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	25.490.025	32.073.400
Cộng	<u>25.490.025</u>	<u>32.073.400</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	23.383.432	23.503.102
Cộng	23.383.432	23.503.102

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	4.240.985.920	4.151.260.991
Chi phí vật liệu quản lý	280.417.682	271.750.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	223.747.867	243.994.919
Thuế, phí và lệ phí	9.864.528	16.197.137
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.025.232	440.637.231
Các chi phí khác	4.604.291.065	5.035.270.872
Cộng	9.916.332.294	10.159.111.800

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hồ sơ thầu	5.454.546	5.454.546
Tiền phòng ở tập thể	17.727.260	12.545.462
Các khoản nợ phải trả không xác định được chủ	-	11.459.075
Ngân sách cấp tiền mua công cụ dụng cụ	622.045.454	-
Chi phí khác	20.793.024	-
Cộng	666.020.284	29.459.083

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Xuất nguyên vật liệu phục vụ để án phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn	622.045.454	-
Chi phí khác	17.211.697	-
Cộng	639.257.151	-

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.048.391.683	5.035.629.573
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	-	-
Thu nhập tính thuế	5.048.391.683	5.035.629.573
- Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 10%	3.152.666.041	3.721.054.858
- Thu nhập tính thuế TNDN với thuế suất 20%	1.895.725.642	1.314.574.715
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	694.411.732	635.020.429
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	-	-
Tổng Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	694.411.732	635.020.429

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAIĐịa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.353.979.951	4.400.609.144
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(979.645.489)	(990.137.057)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.374.334.462	3.410.472.087
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.171.175	4.171.175
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	808,96	817,63

Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHCD ngày 23 tháng 5 năm 2018.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.171.175	4.171.175
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.171.175	4.171.175

10. Chi phí theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	20.109.732.081	19.542.528.534
Chi phí công cụ dụng cụ	508.250.535	1.202.545.674
Chi phí nhân công	62.133.523.408	58.451.912.658
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.285.974.425	8.854.767.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.849.587.771	2.593.345.614
Chi phí khác	5.146.831.402	5.651.866.024
Cộng	100.033.899.622	96.296.966.256

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng Công ty.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ban lãnh đạo		
Cổ tức phải trả	86.496.094	36.847.495
Cổ tức đã trả	86.496.094	36.847.495
Thu nhập thành viên Ban Lãnh đạo		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, thưởng, thù lao	1.809.000.000	1.789.200.000
Cộng	1.809.000.000	1.789.200.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là Dịch vụ Công ích đô thị và toàn bộ hoạt động kinh doanh của đơn vị diễn ra trên địa bàn Tỉnh Lào Cai. Do đó, Công ty không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	1.020.865.804	-	9.698.225.132	10.719.090.936
Phải trả người bán	2.932.100.358	-	-	2.932.100.358
Các khoản phải trả khác	518.341.946	-	-	518.341.946
Cộng	4.471.308.108	-	9.698.225.132	14.169.533.240
Số đầu năm				
Vay và nợ	1.020.865.804	-	10.719.090.936	11.739.956.740
Phải trả người bán	4.342.409.209	-	-	4.342.409.209
Các khoản phải trả khác	624.074.246	-	-	624.074.246
Cộng	5.987.349.259	-	10.719.090.936	16.706.440.195

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.968.786.732	11.919.131.584	21.968.786.732	11.919.131.584
Phải thu khách hàng	37.779.351.888	38.246.718.715	37.779.351.888	38.246.718.715
Các khoản phải thu khác	334.000.500	266.580.000	334.000.500	266.580.000
Cộng	60.082.139.120	50.432.430.299	60.082.139.120	50.432.430.299
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	10.719.090.936	11.739.956.740	10.719.090.936	11.739.956.740
Phải trả người bán	2.932.100.358	4.342.409.209	2.932.100.358	4.342.409.209
Các khoản phải trả khác	518.341.946	624.074.246	518.341.946	624.074.246
Cộng	14.169.533.240	16.706.440.195	14.169.533.240	16.706.440.195

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Tổ 30, Đường Nhạc Sơn, Phường Kim Tân, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh đầu năm được lấy theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

Do ảnh hưởng của việc trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi năm 2017 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DHCD ngày 23 tháng 5 năm 2018. Chi tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	936,13	(118)	817,63

Lập ngày 12 tháng 3 năm 2019

Người lập biểu

Hoàng Thị Lan Hương

Kế toán trưởng

Đặng Văn Giáp

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phạm Văn Tân